

TÁC ĐỘNG CỦA QUAN HỆ GIỮA NGƯỜI DÂN CÁC DÂN TỘC VỚI QUỐC GIA ĐẾN PHÁT TRIỂN Ở VÙNG BIÊN GIỚI VIỆT NAM - TRUNG QUỐC HIỆN NAY¹

ThS. Lý Cẩm Tú

TS. Lý Hành Sơn

Viện Dân tộc học

Email: jirachi.lee.2712@gmail.com

Tóm tắt: Đến nay đã có không ít nghiên cứu về quan hệ dân tộc ở trong và ngoài nước, song vẫn chưa có nhiều công trình viết về chủ đề quan hệ của người dân các tộc người với quốc gia Việt Nam, đặc biệt về tác động của quan hệ này tới phát triển kinh tế - xã hội ở vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc. Do đó, bài viết này muốn góp phần làm rõ những tác động tích cực và hạn chế của quan hệ giữa người dân các tộc người với quốc gia Việt Nam đến phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc và đảm bảo an ninh, chính trị, quốc phòng ở vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc hiện nay. Từ đó, nêu lên một số vấn đề đặt ra và đề xuất một số kiến nghị nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả của mối quan hệ giữa người dân các tộc người với quốc gia Việt Nam tại các địa phương biên giới này trong bối cảnh quốc tế ngày càng có những diễn biến phức tạp.

Từ khóa: Quan hệ tộc người với quốc gia - dân tộc, biên giới, Việt Nam, Trung Quốc.

Abstract: To date, numerous domestic and international studies have explored ethnic relations; however, relatively few have delved into the interaction between ethnic minorities and the nation of Vietnam, particularly regarding the impact of this relation on socio-economic development in the Vietnam-China border region. Consequently, this article aims to elucidate both the positive and negative impacts of the relationship between ethnic groups and the Vietnamese nation on socio-economic advancement, the fostering of national unity, and the assurance of political security and national defence within the contemporary Vietnam-China border vicinity. Grounded in this objective, the article addresses certain concerns and puts forth recommendations to enhance the efficacy of the relationship between ethnic groups and the Vietnamese nation in these border locales, given the progressively intricate international backdrop.

Keywords: Ethnic relations with nation-state, border, Vietnam, China.

Ngày nhận bài: 15/6/2023; ngày gửi phản biện: 3/7/2023; ngày duyệt đăng: 19/8/2023.

¹ Bài viết là kết quả của Đề tài cấp Bộ “Quan hệ dân tộc với phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh, chính trị ở vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc hiện nay và định hướng đến năm 2030”, do Văn phòng Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam chủ trì, PGS.TS. Nguyễn Văn Minh làm chủ nhiệm 2021-2023.

1. Tác động đến phát triển kinh tế

Đến nay, đường lối chiến lược và chính sách của Đảng, Nhà nước ta vẫn luôn quan tâm đặc biệt tới phát triển mọi mặt cho các tộc người thiểu số. Vì vậy, tác động bằng các chính sách trong quan hệ giữa người dân các tộc người ở vùng biên giới với quốc gia là nền tảng để giải quyết những khó khăn về hạ tầng, thúc đẩy phát triển kinh tế địa phương,... Thực tế là, ngoài một số nơi như thành thị và cửa khẩu có thể phát triển thương mại hay dịch vụ, người dân các tộc người ở các địa bàn nông thôn biên giới Việt Nam - Trung Quốc đều làm nông nghiệp kết hợp chăn nuôi, gieo trồng các cây hoa màu. Nhờ thực hiện các chính sách của Nhà nước, sau năm 2000, đặc biệt từ khi xây dựng nông thôn mới, các cơ sở hạ tầng cho sản xuất và sinh hoạt được đầu tư, giúp đồng bào chủ động phát triển nhiều loại cây trồng vật nuôi, kể cả các cây thương phẩm, lâm nghiệp,... Do đó, vài năm trở lại đây, các sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, khai thác lâm sản... không chỉ đủ đáp ứng nhu cầu cho từng gia đình mà còn dư thừa để bán, tạo điều kiện tăng diện tích các cây đặc sản, phát triển các cơ sở thu mua, chế biến nông - lâm sản. Nhờ thuận lợi về hạ tầng, các cây/con giống mới được hầu hết người dân các tộc người nơi đây quan tâm áp dụng có hiệu quả. Vấn đề này, khi triển khai thí điểm, người dân vừa được Nhà nước cấp phát cho cây/con giống mới, vừa được chuyển giao kỹ thuật nuôi trồng, chăm sóc thông qua các lớp tập huấn khuyến nông, khuyến lâm. Đặc biệt, từ chính sách vay vốn ngân hàng, đa số hộ dân có điều kiện mua nông cụ, phương tiện vận chuyển bằng máy để mở rộng sản xuất, canh tác hai vụ/năm, buôn bán sản phẩm,... Phong trào thâm canh, tăng vụ cây trồng vừa hạn chế phá rừng làm rẫy, vừa giúp phát triển cây lâm nghiệp nơi đất bạc màu, bảo vệ rừng để khai thác củi đốt, rau, cỏ chăn nuôi... Song, việc tăng vụ, thâm canh các giống cây mới, nhất là các cây thương phẩm dẫn đến đất đai phải quay vòng nhanh và mất dần dinh dưỡng, sâu bệnh phát triển nhiều,... Thực tế này cũng buộc người nông dân phải tự mua đủ số lượng cây/con giống mới cho các đợt gieo trồng hàng năm, tăng cường đầu tư phân bón và thuốc trừ sâu, tốn nhiều công sức và thời gian cải tạo đất, chăm sóc..., dẫn đến chi phí nhân lực và vật lực sản xuất tăng cao, trong khi giá cả nông sản cũng như sản phẩm chăn nuôi vừa thấp vừa bấp bênh.

Đối với nghề thủ công và công nghiệp, hiện nay các loại hàng hóa tiêu dùng và phục vụ sản xuất đều dồi dào tại các chợ biên giới, nên chỉ một số ít nghề truyền thống như dệt thổ cẩm, chế biến nông - lâm sản, nấu đường mật, sản xuất hương cúng và giấy bản, rèn nông cụ... còn duy trì tại những nơi có điều kiện giao thương, du dịch, xuất khẩu. Đây là nền tảng để hình thành và phát triển nhiều cơ sở công nghiệp nông thôn, vừa có thể áp dụng các tiến bộ kỹ thuật vừa tạo ra những sản phẩm có chất lượng. Qua khảo sát tại các điểm nghiên cứu, nhờ tác động từ chính sách khuyến công của Nhà nước, nhiều doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ gia đình đã tự tiến hành tuyển lao động, đầu tư máy móc và kỹ thuật hiện đại hóa quy trình sản xuất để có những sản phẩm giá trị. Trong đó, nhiều sản phẩm được công nhận là sản phẩm công nghiệp tiêu biểu cấp tỉnh, cấp khu vực và cấp quốc gia, đáp ứng thị hiếu người tiêu dùng trong và ngoài nước. Có thể kể tới một số sản phẩm tại các điểm nghiên cứu thuộc các tỉnh

Quảng Ninh, Cao Bằng, Hà Giang, Lào Cai như: nông sản gồm miến, gạo đặc sản, rượu gạo, rượu ngô, cây ăn quả (chuối, dứa, đào, mận, lê...); lâm nghiệp và dược liệu có nguyên liệu gỗ rừng trồng, quế, thuốc tắm, tinh dầu, các loại thuốc và trà thảo dược...; sản phẩm chế biến từ chăn nuôi có Lạp Xường, thịt xông khói...; sản phẩm thủ công như thổ cẩm, dao, nông cụ các loại, hương cúng, giấy dó, trang sức bằng bạc, đồ đan lát,... Đây là điều kiện để phát triển các hoạt động thương mại, dịch vụ, chợ... không chỉ phục vụ người dân và phát triển du lịch, mà còn xuất khẩu nhiều sản phẩm có chất lượng sang các nước trên thế giới (Hoài Anh, 2022). Song, những hạn chế do các cơ sở công nghiệp nông thôn, chợ buôn bán gây ra cũng không ít, nhất là gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng đến sức khỏe người dân và cảnh quan sinh thái; đất đai bị thoái hóa; sử dụng bất hợp lý phân bón, hóa chất bảo vệ thực vật, thuốc trừ sâu đang trở thành vấn đề đáng báo động ở nhiều địa phương.

Hơn nữa, nhờ việc gia tăng áp dụng các tiến bộ khoa học - kỹ thuật, nhất là các cây/con giống mới, sử dụng nông cụ bằng máy..., nên đã giải phóng phần nào sức lao động, tiết kiệm thời gian sản xuất, dẫn tới thời gian nông nhàn tăng lên. Điều này có nghĩa, trong nông thôn biên giới đang thiếu việc làm, do dân số tăng nên số lượng lao động nhiều lên, trong khi đó đất sản xuất cũng như tài nguyên thiên nhiên và không gian sinh tồn của cộng đồng bị thu hẹp. Điều đó được thể hiện rõ nét qua thực trạng ngày càng tăng số lượng người dân, nhất là lớp trẻ các tộc người nơi đây đi tìm việc làm ở cả trong nội địa và nước ngoài, đặc biệt là phong trào di cư lao động xuyên biên giới Việt Nam - Trung Quốc trong thời gian qua.

2. Tác động đến phát triển xã hội

Thực tế cho thấy, di chuyển cư, tái định cư, xây dựng không gian sinh tồn của cộng đồng dân cư và địa phương biên giới nhằm ổn định cuộc sống của người dân với sự đảm bảo vững mạnh về quốc phòng - an ninh là một vấn đề mang tầm chiến lược trong quan hệ giữa người dân với quốc gia Việt Nam tại biên giới Việt Nam - Trung Quốc. Đến nay, chiến lược này được khẳng định bằng việc thực hiện có hiệu quả các chính sách phát triển kinh tế - xã hội, ổn định dân cư của Đảng, Nhà nước cùng với sự quyết tâm xây dựng cuộc sống mới của người dân các tộc người nơi biên giới. Chiến tranh biên giới năm 1979 kết thúc, sau khi rà phá bom, mìn, chính quyền và lực lượng chức năng đã tích cực vận động đồng bào từ nơi sơ tán trở về quê cũ - địa bàn giáp biên để làm ăn sinh sống và bảo vệ đường biên giới quốc gia. Tuy nhiên, ở một số tỉnh như Hà Giang, các thôn/bản giáp biên và trung tâm xã Thanh Thủy (huyện Vị Xuyên) hoặc những nơi giáp biên của hai xã Phú Lũng, Thắng Mố (huyện Yên Minh)... đến gần đây vẫn có người dân nhặt được bom, mìn, lựu đạn còn sót lại sau chiến tranh biên giới, chưa kể tới tình trạng có người đã bị thương tật, mất mạng do bom, mìn (Nguyễn Thị Thanh Bình, Lý Hành Sơn, 2022, tr. 24). Đến năm 1991, khi biên giới phía Bắc mở cửa trở lại, cộng đồng dân cư ở đây vẫn thừa thớt, chính quyền địa phương đã phải vận động di chuyển dân ra biên giới để thành lập những thôn/bản mới, như các thôn Cốc Phương, Na Lốc 1, Na Lốc 2, Na Lốc 3 và Na Lốc 4, xã Bản Lầu (huyện Mường Khương, tỉnh Lào

Cai). Thực hiện chính sách của Nhà nước, các cấp chính quyền địa phương đã quy hoạch, xây dựng hạ tầng kinh tế - xã hội - văn hóa, nhằm đảm bảo không gian sinh tồn cho dân cư từng thôn/bản. Đến nay đã qua nhiều năm, nhiều hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của các thôn/bản giáp đường biên giới dù qua nhiều lần tu sửa vẫn đang xuống cấp, nên sản xuất, sinh hoạt của người dân ở một số địa phương còn gặp khó khăn, khó tiếp cận các dịch vụ tiêu thụ nông sản, giáo dục, y tế, việc làm,... Rõ ràng, việc tiếp tục đầu tư để giữ dân ở lại biên cương luôn là vấn đề nan giải, do những thách thức đối với việc đảm bảo không gian sinh tồn của cộng đồng và của địa phương ngày càng tốt hơn, đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào các tộc người tại những nơi biên giới được nâng cao.

So với 15 - 20 năm về trước, những tác động từ quan hệ của người dân các tộc người ở nơi biên giới phía Bắc với quốc gia Việt Nam đến hôn nhân, gia đình, dòng họ là rất lớn. Riêng hôn nhân, độ tuổi kết hôn đã tăng lên theo quy định pháp luật; ngày càng nhiều trường hợp kết hôn hỗn hợp tộc người, nhất là kết hôn giữa người dân tộc thiểu số với người Kinh đa số, kể cả hôn nhân có yếu tố nước ngoài; gia tăng xu hướng kết hôn với người ở địa phương khác; kết quả hôn nhân về cơ bản thể hiện tự lựa chọn của đôi trai gái và hầu hết có đăng ký kết hôn theo pháp luật, song số cặp vợ chồng ly hôn cũng nhiều; hôn lễ được rút ngắn và giản tiện hơn so với truyền thống;... Về gia đình, tác động từ các mối quan hệ với quốc gia thể hiện rõ ở quan niệm, nhận thức và trách nhiệm của đôi vợ chồng trẻ về sinh đẻ ít con, đặc biệt hầu hết các gia đình đều quan tâm cho con cái đi học; thể hiện sự bình đẳng về quyền giữa vợ và chồng cùng các thành viên khác trong gia đình. Tuy vậy, chức năng giáo dục truyền thống gắn với thực hành các đặc trưng văn hóa tộc người có nguy cơ suy giảm, nhất là trao truyền các nghề thủ công, chế biến các món ăn dân tộc, tiến hành các nghi lễ tín ngưỡng,... So với trước kia, dòng họ của các tộc người ở nơi biên giới đã có những biến đổi về quan hệ giữa các gia đình cùng dòng họ (tập quán cư trú tập trung một nơi dần biến đổi với sự phân tán rõ rệt hơn); ở một số địa phương và một số tộc người tuy không tin theo tôn giáo mới nhưng việc duy trì trường dòng họ dần có sự mờ nhạt.

Từ sau chiến tranh biên giới năm 1979 đến nay, đã có những thay đổi vượt bậc về cảnh quan nơi sinh sống - thôn/bản, quy mô số hộ gia đình trong thôn/bản, đặc biệt là không gian sinh tồn cũng như thiết chế quản lý cộng đồng và các mối quan hệ của cộng đồng. Qua tư liệu khảo sát năm 2022 - 2023, ngoài một số khu rừng đầu nguồn nước, rừng phòng hộ, rừng thiêng thì cảnh quan thiên nhiên quanh thôn/bản của các tộc người đã có nhiều thay đổi, không còn tình trạng bỏ hoang đất canh tác bạc màu, thay vào đó là các loại cây trồng có giá trị hàng hóa như cây ăn quả, cây lấy gỗ, cây dược liệu...; số hộ gia đình của cộng đồng cư trú tăng lên. Tổ dân phố Tân Thịnh, thị trấn Tà Lùng (huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng) năm 1995 - 1996 có 43 hộ gia đình nhưng đến năm 2022 lên tới 223 hộ (khoảng hơn 900 nhân khẩu); thôn Pác Bo của xã Bản Lầu (huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai) khi sơ tán trở về năm 1989 mới có 20 hộ gia đình nhưng nay đã lên tới 132 hộ (643 nhân khẩu);... Đối với thiết

chế quản lý cộng đồng cư trú, trong tất cả các thôn/bản biên giới hiện nay đều được cơ cấu theo cơ chế chung của cả nước, bao gồm ban quản lý thôn/bản cùng với tổ chức Đảng, các đoàn thể chính trị - xã hội khác như Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, Hội Người cao tuổi, Hội Nông dân,... Ngoài nơi thờ cúng ma thôn/bản của cộng đồng, hầu hết thôn/bản của các tộc người hiện nay đều có nhà văn hóa để toàn dân hội họp, tuy quy mô nhà văn hóa có khác nhau giữa các thôn.

3. Tác động đến phát huy giá trị văn hóa tộc người và xây dựng văn hóa quốc gia

Dù không còn phổ biến như trước nhưng một bộ phận người dân ở nhiều địa phương biên giới hiện nay vẫn đang thực hành một số nghề thủ công như dệt thổ cẩm, chế biến thuốc nam và thảo dược, làm hương cúng và nặn sáp ong, chạm bạc, rèn nông cụ,... Ở không ít nơi biên giới thuộc các tỉnh Quảng Ninh, Cao Bằng, Hà Giang, Lào Cai..., người dân các tộc người vẫn chế biến nhiều loại ẩm thực dân tộc phục vụ các nghi lễ và tết truyền thống. Tùy theo tập quán từng tộc người, có thể kể tới một số món như: mèn mén, xôi màu, xôi trộn trứng kiến, bánh ngải, thịt gác bếp, thịt ướp chua, thịt lợn hay thịt vịt quay, khâu nhục, Lạp xưởng, thắng cố,... Các nghi lễ, lễ hội truyền thống tuy đã biến đổi nhưng vẫn còn duy trì ở hầu khắp các địa phương biên giới, đó là các nghi lễ trong gia đình và cộng đồng thôn bản, nghi lễ dòng họ. Nhìn chung, so với các địa phương nội biên, tại cộng đồng các tộc người nơi biên giới, đặc biệt trong các thôn bản giáp biên sẽ khó khăn hơn khi phát triển du lịch, bởi các quy định pháp luật về bảo vệ đường biên mốc giới quốc gia. Vì vậy, chỉ một số cộng đồng tộc người thuộc cửa khẩu và nơi có địa danh lịch sử như Móng Cái (tỉnh Quảng Ninh), Tân Thanh, Đồng Đăng, Mẫu Sơn (tỉnh Lạng Sơn), Thác Bản Giốc (tỉnh Cao Bằng), Lũng Cú, Thanh Thủy (Hà Giang)... do địa phương chủ trương phát triển du lịch nên có điều kiện biến các giá trị văn hóa truyền thống tộc người thành các sản phẩm phục vụ du khách, tạo ra thu nhập cho người dân. Về ngôn ngữ tộc người, tuy có những tác động mạnh mẽ của ngôn ngữ phổ thông, song đến nay người dân các tộc người ở biên giới vẫn duy trì cơ bản được tiếng nói của tộc người mình. Trong phạm vi gia đình và cộng đồng thôn/bản, đồng bào vẫn thường xuyên nói tiếng mẹ đẻ, chỉ những trẻ nhỏ đi học mẫu giáo thường được cha mẹ nói với con bằng tiếng phổ thông để việc học tập trên lớp thuận lợi hơn.

Mặc dù được Đảng và Nhà nước quan tâm thông qua các nghị quyết, chương trình, chính sách, dự án từ Trung ương đến cơ sở về phát huy các giá trị văn hóa của mỗi tộc người cho phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương, nhưng văn hóa truyền thống của các tộc người đang chịu tác động mạnh mẽ từ sự bùng nổ của truyền thông số, đặc biệt từ các nền văn hóa bên ngoài Việt Nam thông qua internet. Qua đó, văn hóa tộc người nơi đây có những biến đổi đa chiều: vừa bị mất mát không ít yếu tố có giá trị nhân văn bản địa mà cha ông để lại, vừa được bồi đắp làm giàu,... Những thách thức và nguy cơ có thể sẽ theo khuynh hướng mô-típ văn hóa tương đồng, dẫn tới tình trạng mai một, mất mát bản sắc đa dạng của các tộc người. Tuy vậy, trong quá trình tiếp biến giữa văn hóa tộc người và văn hóa quốc gia, sự biến đổi các

giá trị văn hóa truyền thống tộc người hiện nay vẫn đang nằm trong sự cân bằng với nhau, như ngôn ngữ, sự phổ biến tiếng Việt đã tạo điều kiện cho người dân các tộc người, nhất là lớp trẻ tự do giao tiếp với nhau, không phải thông qua ngôn ngữ của tộc người có dân số đông trong vùng hoặc nói bằng tiếng Quan Hỏa hay Pạc Và, tức tiếng Quảng Đông Trung Quốc như trước đây. Trong khi, ở phạm vi gia đình và cộng đồng cư trú đồng tộc, đặc biệt tại các địa bàn nông thôn biên giới, hàng ngày người dân các thế hệ vẫn nói tiếng tộc người mình. Thậm chí, có không ít địa phương, do cán bộ cơ sở chủ yếu là tộc người thiểu số nên khi gặp người dân đồng tộc đến trụ sở xã giải quyết thủ tục hành chính, họ vẫn nói chuyện với nhau bằng tiếng mẹ đẻ. Bên cạnh đó, có một số người dân vẫn mặc trang phục truyền thống khi đi hội họp hay tới trụ sở ủy ban xã, trong khi có cán bộ người dân tộc thiểu số nếu thực hành lễ hội của tộc người mình vẫn mặc trang phục truyền thống, nhưng làm việc tại trụ sở lại sử dụng trang phục theo phổ thông,... Mặc dù vậy, tình trạng mai một văn hóa tộc người, nhất là tại các địa phương thuộc thành/thị và cửa khẩu vẫn xảy ra với xu hướng ngày càng gia tăng.

Từ năm 1991, khi tái thông thương biên giới Việt Nam - Trung Quốc, sự phát triển kinh tế - xã hội đã thu hút được nhiều người dân, doanh nghiệp, thương nhân từ miền xuôi lên kinh doanh, trao đổi mua bán, du lịch..., tạo nên những thay đổi về phân bố cư trú các tộc người, tác động đến bức tranh tín ngưỡng, tôn giáo nơi đây. Một số tôn giáo được hoạt động hợp pháp như Tin lành, Công giáo, Phật giáo được một bộ phận người dân các tộc người Kinh, Hmông, Dao, La Hủ... tin theo và thực hành theo giáo lý, giáo luật. Gần đây, trong bối cảnh Phật giáo Việt Nam được đưa lên biên giới để kiến tạo “cột mốc tâm linh”, nhiều địa phương đã cho xây dựng và vận hành tại các chùa Phật giáo: Chùa Trúc Lâm đảo Trần (huyện Cô Tô, tỉnh Quảng Ninh), Chùa Tân Thanh (huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn), Chùa Trúc Lâm Tà Lùng (huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng), Chùa Phật tích Trúc Lâm Bản Giốc (huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng), Chùa Lũng Cú (huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang),... Dù mới xây dựng và được coi như cột mốc văn hóa nơi biên cương, nhưng hiện tại các chùa này chưa lan tỏa nhu cầu tâm linh tới mọi người dân các tộc người thiểu số ở địa phương. Trong khi, họ lại dễ bị lôi kéo tin theo các tôn giáo ngoại lai, đặc biệt là Tin lành và một số hiện tượng tôn giáo mới như tổ chức Dương Văn Minh, đạo *San sư Khe to*, đạo *Zê Sùa*, đạo *Bà cô Dợ*,... Bên cạnh đó, đa số người dân các tộc người bao gồm cả đa số và thiểu số dù sinh sống cùng địa phương biên giới nhưng vẫn duy trì các hình thức tôn giáo, tín ngưỡng truyền thống của tộc người mình, với xu hướng giản tiện dần các hình thức thờ cúng và thực hành nghi lễ, thậm chí mai một đi nhiều yếu tố mang tính nhân văn, thay vào đó là thương mại hóa, lợi dụng để vụ lợi... Điều này thể hiện rõ nét không chỉ ở việc lược bỏ một số nghi lễ, nhất là các nghi lễ nông nghiệp và chăn nuôi, mà còn thực hành giản tiện không ít nghi lễ gia đình và nghi lễ cộng đồng. Bên cạnh đó, có xu hướng gia tăng các đồ vật dâng cúng, nhưng lại thiếu một số nhạc cụ và trang phục khi tiến hành nghi lễ, đặc biệt là tình trạng ngày càng hiếm dần đội ngũ những nghệ nhân trực tiếp thực hành các lễ cúng.

4. Tác động đến an ninh, chính trị và thực hiện chiến lược đại đoàn kết toàn dân tộc

Qua khảo sát thực địa, tác động từ quan hệ giữa người dân các tộc người tại những điểm nghiên cứu với quốc gia Việt Nam đến xây dựng hệ thống chính trị và đội ngũ cán bộ vùng biên giới đang diễn ra mạnh mẽ trên các lĩnh vực phòng chống tham nhũng; nâng cao trách nhiệm của cán bộ khi giải quyết các công việc cho người dân, thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ biên giới;... Bởi đến nay, Đảng và Nhà nước đã có nhiều giải pháp nhằm đảm bảo trong sạch, vững mạnh, hoạt động vì dân và lợi ích quốc gia của các cấp ủy, chính quyền, ban, ngành... ở từng địa phương; khắc phục có hiệu quả những tiêu cực trong quản lý và thực hiện chính sách dân tộc, chính sách phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn; giải quyết kịp thời và thỏa đáng các vụ khiếu kiện ở địa phương, nhất là khiếu kiện của người dân với cán bộ, chính quyền, cơ quan chức năng, doanh nghiệp;... Dựa vào các giải pháp này, hoạt động của đội ngũ cán bộ trong hệ thống chính trị cơ sở và các cơ quan ở địa phương biên giới không chỉ chịu sự giám sát chặt chẽ của đại bộ phận người dân các tộc người, đặc biệt bộ phận đại diện cộng đồng dân cư, mà còn chịu sự thanh tra, kiểm tra của các cơ quan có thẩm quyền. Trong khi, theo cơ chế hiện hành, đội ngũ cán bộ trong hệ thống chính trị đều phải kinh qua các lớp tập huấn, bồi dưỡng lý luận chính trị và quản lý nhà nước, nâng cao nghiệp vụ chuyên môn...; còn người dân tại các khu vực biên giới thì ngày càng được nâng cao về dân trí, trình độ nhận thức về quyền lợi và nghĩa vụ của mình đối với quốc gia, trước hết là về hoạt động của cấp ủy, chính quyền cơ sở và lực lượng bảo vệ biên giới. Song, cũng còn một số tồn tại trong xây dựng đội ngũ cán bộ ở nơi đây, bởi địa hình mỗi xã biên giới vừa rộng vừa bị chia cắt, dân cư sinh sống phân tán... nên nhiều người trẻ học xong đại học trở về quê không muốn công tác trong hệ thống chính trị cơ sở, trong khi những người có sức khỏe trong thôn/bản đều muốn đi làm ăn xa, nên khó phát triển đảng viên, tạo nguồn cán bộ.

Bên cạnh nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị, người dân các tộc người tại những điểm nghiên cứu cũng rất có ý thức trách nhiệm tham gia phối hợp với các tổ chức, biên phòng và lực lượng an ninh thực hiện các nhiệm vụ tuần tra, bảo vệ đường biên giới quốc gia. Vấn đề này, mọi tầng lớp người dân nơi đây đều có nhận thức rõ ràng, do đồng bào luôn được chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội, bộ đội biên phòng, lực lượng an ninh tuyên truyền dưới nhiều hình thức về các quy chế quản lý, bảo vệ đường biên giới. Ở không ít địa phương, quy chế quản lý biên giới đã được viết cẩn thận vào những tấm biển báo rồi dán chắc chắn ở những nơi sinh hoạt cộng đồng của thôn/bản, trụ sở xã, trạm y tế xã, trường học... để nhắc nhở mọi người. Vì thế, hầu hết những thanh niên có đủ sức khỏe ở độ tuổi dân quân tự vệ trong mỗi thôn/bản biên giới không chỉ phải nắm được những quy định cơ bản của quy chế về biên giới quốc gia mà còn phải tham gia vào các đội tuần tra biên giới với bộ đội biên phòng, còn người dân thì tham gia phát quang đường tuần tra và cột mốc biên giới. Ví dụ, tại thị trấn Tà Lùng (huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng), trong năm 2015 - 2022, các xã, thị trấn biên giới đã làm tốt công tác phối hợp với Đoàn biên phòng Cửa khẩu quốc tế Tà Lùng tổ chức

cho nhân dân tham gia, tuần tra, phát quang đường biên, mốc quốc giới, thông tầm nhìn, nhận biết hệ thống đường biên giới, mốc giới được 179 lần, với 2.510 lượt người tham gia (trong đó Bộ đội biên phòng có 627 người, lực lượng phối hợp là 1.883 người), phát quang được 145.229m đường tuần tra (Đồn biên phòng Cửa khẩu quốc tế Tà Lùng, 2022, tr. 3). Rõ ràng, tại các khu vực biên giới, nhiều người dân các tộc người không chỉ hiểu biết và nắm vững các quy định cơ bản trong quy chế quản lý đường giới quốc gia, mà còn có ý thức tham gia với các tổ chức, lực lượng chức năng địa phương thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ biên giới lãnh thổ đất nước. Song, những tác động không mong muốn vẫn diễn ra, rõ nét nhất là việc đi làm ăn xa, ở quê nhà chỉ còn những người thực hiện nghĩa vụ dân quân tự vệ, cán bộ công tác trong hệ thống chính trị, người già, trẻ em, hay phụ nữ có hoàn cảnh; do vậy khó đảm bảo thể trận vững chắc về quốc phòng - an ninh nơi biên cương. Hơn nữa, bộ phận theo tôn giáo ngoại lai và các hoạt động lôi kéo người dân theo các tôn giáo mới và các loại đạo lạ không chỉ gây ảnh hưởng đến khối đại đoàn kết các tộc người ở địa phương biên giới, mà còn có nguy cơ bị các thế lực thù địch lợi dụng dưới nhiều hình thức.

Trong khi, hoạt động vận chuyển hàng hóa lậu, di chuyển cư bất hợp pháp... vẫn thường xuyên diễn ra tại nhiều địa phương biên giới Việt Nam - Trung Quốc, bởi trước khi xảy ra dịch COVID-19, nơi đây có rất nhiều đường mòn, lối mở qua lại đường biên. Các khu kinh tế cửa khẩu, bên cạnh những thành tựu cũng bộc lộ nhiều hạn chế: do hoạt động ít hiệu quả dẫn đến tình trạng lợi dụng chính sách khuyến khích đầu tư, thương mại, ưu đãi trong xuất nhập cảnh, xuất nhập khẩu để buôn lậu, gian lận thương mại, buôn bán hàng giả, trung chuyển các chất ma túy, buôn bán người, buôn bán tiền giả, vàng, ngoại tệ, vũ khí qua biên giới; xuất, nhập cảnh trái phép đi sâu vào nội địa; việc phân công, phân cấp quản lý khu kinh tế cửa khẩu thiếu chặt chẽ, chưa đồng bộ giữa các ngành, các lực lượng. Đặc biệt, lưu lượng người từ các tỉnh, thành di chuyển cư đến các khu kinh tế cửa khẩu để làm ăn, buôn bán ngày càng tăng, gây khó khăn cho việc quản lý tạm trú, tạm vắng, nhiều đối tượng phạm tội ở nội biên và người Trung Quốc phạm tội ở bên kia biên giới đã tìm đến đây để ẩn náu, tiếp tục hoạt động... (Nguyễn Trọng Kiên, 2013, tr. 36). Thêm vào đó, từ năm 1954 đến sau chiến tranh biên giới phía Bắc năm 1979, có nhiều công dân của một số tộc người ở trong nước và tại biên giới Việt Nam - Trung Quốc dưới mọi hình thức đã di tản cư, chuyển cư bất hợp pháp và hợp pháp ra nước ngoài sinh sống, trở thành Việt Kiều tại nhiều nước như Mỹ, Pháp, Úc, Canada,... Trong đó, một số từng tham gia chính quyền chế độ cũ di tản cư đến các nước, số khác đến Trung Quốc theo dòng người Hoa hồi hương năm 1977 - 1978 rồi quá cảnh sang nước thứ ba, đi theo đường bảo lãnh,... Do mất mẫn với chế độ ta và phản quốc gia Việt Nam nên một số đối tượng Việt Kiều đã thành lập các tổ chức lưu vong ở nước ngoài để lôi kéo người dân trong nước gây rối an ninh, chống phá Nhà nước ta, chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc tại các địa bàn tộc người thiểu số và địa phương biên giới. Rõ ràng, các thế lực thù địch vẫn không từ bỏ mọi âm mưu chia rẽ nội bộ tộc người và giữa các tộc người với quốc gia Việt Nam nhằm lôi kéo đồng bào, nhất là các tộc người Hmông, Dao...

tham gia vào các hoạt động chống phá Đảng và Nhà nước ta, trước hết là chống phá tổ chức Đảng và chính quyền ở địa phương.

5. Một số vấn đề đặt ra và kiến nghị

5.1. Một số vấn đề đặt ra

- *Thứ nhất*, vấn đề tiếp tục đổi mới, đề xuất và thực hiện ngày càng có hiệu quả hơn đối với các chính sách, chương trình, dự án đầu tư xây dựng, nâng cấp, hoàn thiện và kiên cố hóa các cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội. Đồng thời phát triển ổn định những ngành nghề kinh tế khác nhau nhưng phù hợp với điều kiện thể mạnh mỗi địa phương biên cương, để người dân các tộc người yên tâm về công ăn việc làm và sinh sống lâu dài tại quê hương nơi biên giới Việt Nam - Trung Quốc.

- *Thứ hai*, vấn đề cải thiện không gian sinh tồn của cộng đồng thôn/bản khi ngày càng đông đúc các hộ gia đình, dẫn đến tăng cường khai thác nguồn lợi tài nguyên thiên nhiên tại nơi cư trú; thiếu đất sản xuất do đất đai ngày càng cạn kiệt; diện tích rừng bị thu hẹp;... Trong khi, nhiều nơi vùng cao giáp đường biên giới lại thừa dân cư do thiếu nguồn lực và kinh phí để thường xuyên đầu tư cho các cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội, dẫn đến khó khăn trong việc vận động người dân chuyển cư tới lập nghiệp lâu dài. Các hộ dân đã đến thành lập khu cư trú giáp đường biên giới hiện nay chưa thật ổn định sản xuất, khó khăn tiếp cận các dịch vụ giáo dục, chăm sóc sức khỏe.

- *Thứ ba*, vấn đề bảo tồn và phát huy các đặc trưng văn hóa của mỗi tộc người trong bối cảnh gia tăng đô thị hóa, giao thoa văn hóa giữa các tộc người láng giềng, đặt biệt là sự tác động mạnh mẽ của văn hóa các tôn giáo mới ở một số nơi biên giới như Tin lành, Công giáo, đạo lạ,... Bởi vì, tình trạng biến đổi nhanh chóng đã dẫn tới đứt gãy một số yếu tố truyền thống, sự thay đổi về cấu trúc cũng như các mối quan hệ trong gia đình và dòng họ dẫn tới biến đổi về một số chức năng, vị trí vai trò đối với việc bảo tồn các giá trị văn hóa tộc người.

- *Thứ tư*, vấn đề tiếp tục đưa Nghị quyết số 33/NQ-TW ngày 28/9/2018 của Bộ Chính trị khóa XII về Chiến lược Bảo vệ biên giới quốc gia vào cuộc sống và thực thi Nghị quyết một cách khoa học, rộng khắp các địa phương và trên các lĩnh vực hậu cần, an ninh, chính trị, quốc phòng... với hiệu quả cao nhất. Bởi vì, từ trước đến nay, đây là một trong các Nghị quyết quan trọng, mang tầm chiến lược quốc gia về xây dựng và đảm bảo an ninh, chính trị và thế trận quốc phòng - an ninh, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc trên các tuyến biên giới quốc gia, bao gồm vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc trong bối cảnh gia tăng quá trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế.

5.2. Kiến nghị

- *Một là*, tiến hành tổng kết đánh giá đúng, đầy đủ hiệu quả, kinh nghiệm triển khai thực hiện các chính sách của Đảng và Nhà nước đã được thực thi tại các địa phương biên giới từ

sau năm 2000 đến nay, cụ thể như Quyết định số 120/2003/QĐ-TTg, Quyết định số 1151/2007/QĐ-TTg, Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP, Kết luận số 26-KL/TW ngày 2/8/2012 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 1/7/2004 của Bộ Chính trị khóa IX, Nghị quyết số 33/NQ-TW ngày 28/9/2018 của Bộ Chính trị khóa XII,... Qua đó, Đảng và Nhà nước cần có chiến lược mới toàn diện và bao trùm trên tất cả các lĩnh vực phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, môi trường, an ninh, quốc phòng... tại các địa phương biên giới, đặc biệt các địa bàn trọng điểm.

- *Hai là*, cần rà soát kỹ lưỡng những kết quả, kinh nghiệm, cách thức tổ chức thực hiện các chính sách của Chính phủ như Quyết định số 33/2007/QĐ-TTg ngày 5/3/2007, Quyết định số 1342/QĐ-TTg ngày 25/8/2009, Quyết định số 33/2013/QĐ-TTg ngày 04/06/2013 và Quyết định số 590/QĐ-TTg ngày 18/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030;... Qua đó, đổi mới chính sách để tiếp tục đưa người dân các tộc người ở trong hoặc ngoài vùng biên giới đến sinh sống tại những nơi khó khăn nhưng tiếp giáp đường biên giới. Đồng thời, tăng cường đảm bảo ổn định các cộng đồng dân cư đã di dời và sẽ di dời tới định cư tại những nơi này bằng mọi nguồn lực và ưu tiên thường xuyên nâng cấp, hoàn thiện các cơ sở hạ tầng giao thông, kinh tế - xã hội - văn hóa - môi trường - không gian sinh tồn,... Qua đó, vận động, tuyên truyền người dân yên tâm sinh sống trong điều kiện vừa đảm bảo đáp ứng về không gian sinh hoạt cộng đồng, vừa có điều kiện phát triển một số ngành nghề kinh tế cho thu nhập ổn định kết hợp bảo vệ vững chắc đường biên mốc giới quốc gia.

- *Ba là*, trên cơ sở các chính sách đã và đang thực thi, cần xây dựng kế hoạch tổng kết và ưu tiên xây dựng chính sách mới mang tính chiến lược tổng thể đến năm 2030, tầm nhìn năm 2045 về phục dựng các đặc trưng văn hóa tộc người đã mai một, kết hợp với bảo tồn, khuyến khích tăng cường thực hành trong thực tiễn các yếu tố văn hóa đang được duy trì nhằm phát huy các giá trị văn hóa đặc sắc của các tộc người thiểu số, đặc biệt các tộc người sinh sống tại các vùng biên giới. Cùng với đó, cần chú trọng xây dựng, phát triển số hóa các di sản văn hóa vật thể và phi vật thể của các tộc người thiểu số để phục vụ cho công tác quản lý, khai thác, hiện thực hóa trong thực tiễn cuộc sống của người dân về các giá trị. Đồng thời, xây dựng câu lạc bộ sinh hoạt văn hóa truyền thống tộc người cho các thế hệ già và trẻ tại mỗi cộng đồng cư trú, kết hợp đa dạng các hình thức tuyên truyền, vận động trong phạm vi gia đình, dòng họ, cộng đồng cư trú và giáo dục trong nhà trường đối với việc duy trì, thực hành thường xuyên các yếu tố văn hóa tiêu biểu của mỗi tộc người tại các địa phương biên giới.

- *Bốn là*, đến nay, Đảng ủy, Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng đã tham mưu Bộ Quốc phòng báo cáo Chính phủ xây dựng Nghị quyết số 16/NQ-CP ngày 29/4/2020 về Ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 28/9/2018 của Bộ Chính trị về Chiến lược Bảo vệ biên giới quốc gia (Hoàng Xuân Chiến, 2020). Đây là văn bản chỉ

đạo quan trọng của ngành chức năng Trung ương nhằm thực hiện thắng lợi Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 28/9/2018 của Bộ Chính trị. Qua đó, các đồn biên phòng ở các địa phương biên giới đều quyết tâm thực hiện các phong trào, mô hình quan hệ tốt đẹp với người dân ở nơi biên cương như: “Bộ đội Biên phòng chung sức xây dựng nông thôn mới và tham gia xóa đói, giảm nghèo khu vực biên giới”, “Thầy thuốc quân hàm xanh”, “Nâng bước em đến trường”, “Con nuôi đồn biên phòng”..., tạo điều kiện cho người dân yên tâm sinh sống tại nơi biên giới gắn với tự quản đường biên cột mốc quốc giới, đẩy mạnh phong trào “Toàn dân tham gia bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia trong tình hình mới”. Song, để đạt hiệu quả tối đa và bền vững, sau 3 - 5 - 10 năm, các cấp các ngành cần có kế hoạch sơ kết, tổng kết đánh giá thực chất về những thành tựu và hạn chế, thuận lợi và khó khăn trong quá trình thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 28/9/2018 của Bộ Chính trị; qua đó, đề xuất với Đảng, Nhà Nước những kiến nghị chính sách phù hợp hơn với bối cảnh mới về đảm bảo an ninh, chính trị, chủ quyền lãnh thổ quốc gia.

Kết luận

Đến nay, quan hệ giữa người dân các tộc người với quốc gia - dân tộc luôn là nền tảng quan trọng cho sự nghiệp xây dựng các cơ sở hạ tầng, phát triển kinh tế - xã hội, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa,... Đặc biệt, tại các địa phương biên giới quốc gia, bao gồm biên giới Việt Nam - Trung Quốc, quan hệ này còn đóng vai trò to lớn đối với chiến lược xây dựng và củng cố khối đại đoàn kết dân tộc, đảm bảo an ninh, chính trị và tiềm lực quốc phòng để bảo vệ vững chắc đường biên giới quốc gia, lãnh thổ và chủ quyền của Việt Nam trong bối cảnh quốc tế ngày càng có những diễn biến phức tạp khó lường. Do đó, tác động của quan hệ giữa người dân các tộc người với quốc gia Việt Nam là rất to lớn và cơ bản là tích cực đối với phát triển mọi mặt ở vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc hiện nay. Trong đó, đặc biệt nổi trội về phát triển kinh tế - xã hội, phát huy các giá trị văn hóa tộc người gắn với xây dựng và tăng cường văn hóa quốc gia Việt Nam, đảm bảo an ninh - quốc phòng nơi biên cương.

So với thời gian đầu biên giới Việt Nam - Trung Quốc mới mở cửa trở lại vào năm 1991, thông qua thực hiện có hiệu quả các chính sách phát triển kinh tế - xã hội, chính sách dân tộc của quốc gia Việt Nam, cùng với những nỗ lực phấn đấu vươn lên của người dân các tộc người nơi biên cương, tại các địa phương biên giới đến nay đã có bước phát triển vượt bậc về cơ sở hạ tầng, kinh tế - xã hội. Hoạt động kinh tế của hầu hết các tộc người đều phát triển theo xu hướng chuyển từ kinh tế nông nghiệp bán tự cung tự cấp sang sản xuất hàng hóa và đa dạng hóa các nguồn thu nhập; đời sống xã hội và không gian sinh tồn của các cộng đồng cư trú cũng có nhiều đổi mới, kể cả quan hệ trong gia đình, dòng họ; văn hóa tộc người tuy đã mai một không ít nhưng về cơ bản vẫn gìn giữ các yếu tố đặc trưng trên cơ sở ngày càng tăng cường các yếu tố văn hóa quốc gia. Song, trong bối cảnh mới cũng có không ít vấn đề đặt ra, rất cần những chính sách phù hợp hơn với thực tiễn để tiếp tục thay đổi cơ cấu kinh tế, giải quyết việc làm, phát huy các giá trị văn hóa tộc người phục vụ phát triển bền vững, đảm bảo ổn định an ninh và thế trận quốc phòng toàn dân tại các địa phương biên giới.

Tài liệu tham khảo

1. Hoài Anh (2022), *Lào Cai: Mường Khương phấn đấu trở thành vùng chè trọng điểm*, trên trang <https://kinhtedouong.vn/lao-cai-muong-khuong-phan-tro-thanh-vung-che-trong-diem-91516.html> (Truy cập ngày 20/3/2023).
2. Nguyễn Thị Thanh Bình, Lý Hành Sơn (2022), “Ý thức quốc gia qua nhận thức về biên giới của một số tộc người ở khu vực biên giới huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 2, tr. 20-34.
3. Hoàng Xuân Chiến (2020), *Một số giải pháp triển khai thực hiện có hiệu quả “Chiến lược bảo vệ biên giới quốc gia” hiện nay*, trên trang <https://www.tapchicongsan.org.vn/web/mot-so-giai-phap-gop-phan-trien-khai-thuc-hien-co-hieu-qua-chien-luoc-bao-ve-bien-gioi-quoc-gia-hien-nay> (Truy cập ngày 20/3/2023).
4. Đoàn biên phòng Cửa khẩu quốc tế Tà Lùng (2022), *Báo cáo tình hình công tác tuyên truyền, vận động nhân dân các dân tộc tham gia xây dựng quốc phòng toàn dân, bảo vệ biên giới và chủ quyền lãnh thổ quốc gia*, Cao Bằng, ngày 22/10/2022.
5. Nguyễn Trọng Kiên (2013), “Một số giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động đảm bảo an ninh, trật tự của bộ đội biên phòng tại khu kinh tế cửa khẩu các tỉnh biên giới Việt Nam - Trung Quốc”, *Tạp chí Khoa học Giáo dục Biên phòng*, Số 34 (tháng 9/2013), tr. 36-40.
6. Lý Hành Sơn (2016), “Quan hệ dân tộc xuyên quốc gia của một số tộc người vùng miền núi phía Bắc: Thực trạng và tác động”, *Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam*, tập 4, số 5 tháng 5/2016, tr. 34-39.
7. Vương Xuân Tình (Chủ biên, 2018), *Quan hệ tộc người với cộng đồng quốc gia - dân tộc ở Việt Nam trong bối cảnh phát triển kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
8. Vương Xuân Tình (2019), *Cộng đồng kiến tạo: Tộc người với quốc gia - dân tộc trên thế giới và ở Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.